

Bản án số: 08/2025/HNGĐ -ST

Ngày 25/02/2025

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Thao - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Cán bộ phòng lao động thương binh và xã hội huyện Ân Thi

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

**- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Trường- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST - HNGĐ ngày 20/12/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 23/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 13/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

- Bị đơn: Anh Vương Quốc Đ, sinh năm 1995

- Người có QLVN liên quan: 1.Cháu V Q Kh, sinh năm 2013

2. Cháu V T Nh, sinh năm 2017

3. Cháu V T M, sinh năm 2019

Người đại diện của các cháu: Chị Nguyễn Thị H và anh Vương Quốc Đ (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Đều trú tại: thôn N T, xã ĐL, Ấ T, HY

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2024 và lời khai của chị H trình bày: Chị và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ vào ngày 06/8/2014. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh Đ ăn ở cùng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 3 con chung. Đến năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau trong cuộc sống và trong công việc

làm ăn hàng ngày, ngoài ra còn nhiều lý do khác, đã được hai gia đình hòa giải vợ chồng lại tiếp tục chung sống với nhau bình thường. Đến tháng 4/2023 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ chơi bời, không chịu làm ăn, chị đã khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi, vì vậy chị có làm đơn ra Tòa nhưng Tòa án hòa giải chị lại rút đơn lại, thời gian sau anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn ngày một trầm trọng, do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 và V T M, sinh ngày 30/4/2019. Hiện cháu Khánh, cháu Nhi đang ở với anh Đ, còn cháu Mẫn đang ở với chị. Nay ly hôn, chị để anh Đ nuôi cháu Khánh, cháu Nhi, còn chị nhận nuôi cháu Mẫn.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Ông Vương Văn Tiến (bố đẻ của anh Đ) trình bày: Anh chị tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo 02 gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cho anh chị, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ vào năm 2014. Sau khi cưới chị H về ngay gia đình chồng chung sống. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc. Sau 1 thời gian chung sống, anh chị mâu thuẫn nguyên nhân tại sao ông không rõ vì anh chị làm ăn ở Lạng Sơn nhưng ông thấy anh chị thường xuyên làm đơn ly hôn, trước ông có tham gia và hai gia đình có hòa giải nên anh chị tiếp tục chung sống với nhau. Đến nay, anh chị ly hôn ông không tham gia nữa mà để anh chị tự quyết định.

Về con chung: Có 03 con chung là V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 và V T M, sinh ngày 30/4/2019. Hiện cả cháu Khánh, cháu Nhi đang ở với anh Đ, còn cháu Mẫn đang ở với chị H. Nếu anh chị ly hôn thì quan điểm của anh Đ xin nhận nuôi cả 03 con chung thì anh Đ đồng ý ly hôn, ông đã phân tích nuôi cả 3 con chung là không được, nên để chị H nuôi cháu Mẫn nhưng anh Đ không nghe.

Về tài sản chung: Không có.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đặng Lễ: Ngày 06/8/2014 anh Đ, chị H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống với nhau tại Nam Trì, Đặng Lễ và anh Đ, chị H chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Chị H, anh Đ và 03 con chung là cháu V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 và V T M, sinh ngày 30/4/2019.

Về tài sản chung, công sức: UBND xã không nắm được

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai của anh Đ nhưng anh Đ từ chối khai, tại các buổi hòa giải anh Đ đều vắng mặt nên trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện quan điểm của anh Đ.

Tại phiên tòa ngày 13/02/2025: Anh Đ vắng mặt lần thứ 1, chị H có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa:

Tại phiên tòa ngày 25/02/2025: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**\* Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

**Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:** Nguyên đơn, người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 và 78 BLTTDS.

Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

- Về tình trạng hôn nhân: chị H và anh Đ có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có một khoảng thời gian chung sống hoà thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung là các cháu V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; cháu V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 và cháu V T M, sinh ngày 30/4/2019. Sau đó vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ không chịu làm ăn, ham mê chơi bời không quan tâm đến gia đình. Đến nay, chị H đã sống ly thân với anh Đ. Chị H có đơn xin ly hôn, Toà án đã nhiều lần tiến hành hoà giải, nhưng không thành do chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và có đơn đề nghị Toà án không tiếp tục hoà giải, còn anh Đ không vắng mặt tại các lần làm việc cũng như phiên hòa giải. Điều đó cho thấy cả chị H và anh Đ không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có đủ căn cứ để xử cho chị H ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; cháu V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 và cháu V T M, sinh ngày 30/4/2019, hiện nay các cháu đang ở với anh Đ. Để thuận lợi cho việc học tập và nuôi dưỡng cũng như nguyện vọng của chị H và các cháu nên tiếp tục giao hai cháu V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013 và cháu V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu V T M, sinh ngày 30/4/2019 cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đ, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06/8/2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Đ, chị H là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Nam Trì, Đặng Lễ, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị H xác định năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân một phần là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi bời, mặt khác còn nhiều lý do khác, dẫn đến vợ chồng đã làm đơn ly hôn nhưng được hai gia đình hòa giải vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, đến tháng 4/2024 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến không còn tôn trọng nhau. Vợ chồng đã không còn quan tâm chăm lo đến nhau mà sống mỗi người một nơi, không liên quan đến nhau về kinh tế. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của ông Tiến (bố đẻ của anh Đ). Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đ đến Tòa án để lấy lời khai, tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Đ từ chối khai và vắng mặt tại các buổi hòa giải, qua ông Tiến được biết quan điểm của anh Đ, anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H cho anh Đ nuôi cả 03 con chung phù hợp với ý kiến của anh Đ khi Tòa án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, còn chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Đ. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh Đ, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ, chị H không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa thể hiện việc anh Đ, chị H đã

có thời gian dài mâu thuẫn từ năm 2020, đã làm đơn ly hôn, được hai gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân nhau nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Đ của chị H là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị H có 03 con chung là cháu V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 và V T M, sinh ngày 30/4/2019. Hiện nay cháu Khánh, cháu Nhi đang ở với anh Đ, cháu Mẫn đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Mẫn và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, còn để anh Đ nuôi cháu Khánh, cháu Nhi. Anh Đ có nguyện vọng nhận nuôi cả 03 con chung. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cháu Khánh, cháu Nhi có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội, còn cháu Mẫn chưa đến tuổi lấy lời khai. Xét nguyện vọng của chị H, anh Đ và các cháu, HĐXX nhận thấy: Cháu Khánh, cháu Nhi đều đã đi học và trên 7 tuổi, tự chăm sóc bản thân, còn cháu Mẫn theo chị H, ông Tiến trình bày cháu Mẫn từ nhỏ đã có khiếm khuyết về sức khỏe, chỉ có chị Mẫn mới dạy bảo, chăm sóc tốt cho cháu Mẫn và cháu còn nhỏ. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của các cháu nên sẽ giao chị H nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Mẫn đến tuổi thành niên. Giao anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Khánh, cháu Nhi đến tuổi thành niên. Quan điểm của chị H, anh Đ không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS;
- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vương Quốc Đ

2- Về con chung: Giao cho anh Vương Quốc Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V Q Kh, sinh ngày 04/10/2013; V T Nh, sinh ngày 15/12/2017 đến khi thành niên. Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V T M, sinh ngày 30/4/2019 đến khi thành niên.

Công nhận sự tự nguyện của anh Đ, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001412 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh Đ, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Đặng Lễ, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Ái**

